

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : LÝ 12

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
A01-01	Lê Thị Hồng Ân	233	36	9
A01-02	Phạm Thị Tuyết Anh	234	26	6.5
A01-03	Ngô Nhật Anh	232	30	7.5
A01-04	Dương Tăng Gia Bảo	233	23	5.8
A01-05	Phạm Chương Đài	233	36	9
A01-06	Bùi Minh Đức	232	27	6.8
A01-07	Đinh Thị Bảo Hân	233	23	5.8
A01-08	Phạm Khánh Huyền	231	37	9.3
A01-09	Nguyễn Đức Minh Khôi	234	25	6.3
A01-10	Hỷ Vũ Gia Linh	232	38	9.5
A01-11	Lưu Ngọc Linh	232	30	7.5
A01-12	Nguyễn Hoàng Như Mai	234	33	8.3
A01-13	Cao Nguyễn Hà My	234	31	7.8
A01-14	Cao Ánh Trà My	232	21	5.3
A01-15	Nguyễn Lê Hoàng Mỹ	233	30	7.5
A01-16	Châu Nguyễn Phương Nam	233	29	7.3
A01-17	Đoàn Kim Nga	234	29	7.3
A01-18	Nguyễn Thanh Ngân	232	29	7.3
A01-19	Diệp Mỹ Ngọc	231	25	6.3
A01-20	Huỳnh Nguyễn Hiếu Nhi	233	27	6.8
A01-21	Trần Nguyễn Linh Nhu	232	24	6
A01-22	Hồ Phương Như	232	38	9.5
A01-23	Trang Trần Kim Oanh	232	25	6.3
A01-24	Nguyễn Vĩnh Phong	231	34	8.5
A01-25	Phạm Thanh Phương	231	30	7.5
A01-26	Trương Lê Như Quỳnh	233	20	5
A01-27	Nguyễn Hoàng Thiên Thanh	232	38	9.5
A01-28	Nguyễn Thanh Thảo	233	35	8.8
A01-29	Vy Hạ Thi	232	23	5.8
A01-30	Võ Ngọc Anh Thư	231	34	8.5
A01-31	Đào Nguyễn Thanh Thư	233	36	9
A01-32	Huỳnh Trương Đăng Thư	233	37	9.3
A01-33	Mai Thị Thanh Thủy	232	35	8.8
A01-34	Nguyễn Vũ Thủy Tiên	231	35	8.8
A01-35	Nguyễn Mỹ Ngọc Trân	233	32	8
A01-36	Nguyễn Thanh Trúc	233	22	5.5
A01-37	Nguyễn Tuấn	231	30	7.5
A01-38	Hoàng Thái Tuấn	233	29	7.3
A01-39	Đoàn Phương Uyên	234	29	7.3
A01-40	Phạm Quang Vinh	231	29	7.3
A01-41	Nguyễn Tiêu Đông Vũ	233	37	9.3
A01-42	Nguyễn Thị Tường Vy	233	38	9.5
A01-43	Phan Quang Thiện	235	20	5
A01-44				
A01-45				
A01-46				
A01-47				
A01-48				
A01-49				
A01-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : LÝ 12

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
A02-01	Lê Nguyễn Hoàng Ân	231	23	5.8
A02-02	Võ Nguyễn Lan Anh	232	35	8.8
A02-03	Võ Thị Lan Anh	234	25	6.3
A02-04	Nguyễn Bùi Trâm Anh	231	36	9
A02-05	Trần Bảo Anh	233	29	7.3
A02-06	Huỳnh Thị Ngọc Ánh	232	38	9.5
A02-07	Nguyễn Ngọc Thúy Diễm	231	33	8.3
A02-08	Lê Hoàng Ngọc Diệp	234	38	9.5
A02-09	Nguyễn Lê Hạnh Dung	234	24	6
A02-10	Nguyễn Dương Duy Dương	231	34	8.5
A02-11	Dương Thanh Hải	233	25	6.3
A02-12	Nguyễn Triệu Bảo Hân			
A02-13	Nguyễn Thị Hoàng Hoa	232	29	7.3
A02-14	Lý Bảo Hoa	232	33	8.3
A02-15	Lê Đắc Hoan	231	31	7.8
A02-16	Lưu Thị Thu Hương	233	28	7
A02-17	Tô Nhật Tú Hương	231	32	8
A02-18	Nguyễn Đức Khải	233	38	9.5
A02-19	Nguyễn Hoàng Đăng Khoa	232	18	4.5
A02-20	Đăng Đăng Khoa	232	29	7.3
A02-21	Nguyễn Thị Mai Linh	234	38	9.5
A02-22	Hàn Thanh Mai	231	28	7
A02-23	Ngô Nữ Quỳnh My	232	19	4.8
A02-24	Nguyễn Huỳnh Kim Ngân	232	28	7
A02-25	Châu Mẫn Nghi	233	33	8.3
A02-26	Phạm Lê Hoài Ngọc	234	33	8.3
A02-27	Hồ Đoàn Y Nhi	231	24	6
A02-28	Nguyễn Thị Uyên Nhi	231	28	7
A02-29	Trương Thị Mộng Như	234	28	7
A02-30	Trần Khánh Như	231	30	7.5
A02-31	Lê Minh Nhựt	234	37	9.3
A02-32	Lý Nam Phát	234	31	7.8
A02-33	Trần Thị Mỹ Phương	234	13	3.3
A02-34	Ong Minh Quang	232	30	7.5
A02-35	Trần Ngọc Phương Quyên	234	25	6.3
A02-36	Nguyễn Thúy Quỳnh	231	33	8.3
A02-37	Lê Thị Hồng Thắm	232	38	9.5
A02-38	Bùi Thị Phương Thanh	234	33	8.3
A02-39	Lê Ngọc Hương Thảo	231	30	7.5
A02-40	Nguyễn Trà Anh Thư	231	29	7.3
A02-41	Bùi Nguyễn Minh Thư	234	27	6.8
A02-42	Võ Minh Thư	232	35	8.8
A02-43	Phạm Huỳnh Bích Thuận	234	35	8.8
A02-44	Phan Ngô Trọng Anh Tú	234	26	6.5
A02-45	Đào Thị Tường Vy	231	26	6.5
A02-46				
A02-47				
A02-48				
A02-49				
A02-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : LÝ 12

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
A03-01	Nguyễn Như Kiều Anh	233	27	6.8
A03-02	Nguyễn Thị Ngọc Anh	231	22	5.5
A03-03	Chánh Hưng Bách	231	29	7.3
A03-04	Phùng Thị Ngọc Bích	232	32	8
A03-05	Đinh Thị Y Bình	234	23	5.8
A03-06	Trịnh Cao Cát	231	29	7.3
A03-07	Lê Thành Chương	233	35	8.8
A03-08	Từ Khánh Duy	231	30	7.5
A03-09	Nguyễn Thùy Dương	233	31	7.8
A03-10	Nguyễn Ngọc Thanh Hà	232	30	7.5
A03-11	Nguyễn Thị Mai Hân	231	32	8
A03-12	Trần Nguyễn Gia Hân	234	27	6.8
A03-13	Đặng Ngọc Hân	232	36	9
A03-14	Phạm Trần Mỹ Hạnh	231	33	8.3
A03-15	Nguyễn Vũ Mai Hạnh	233	34	8.5
A03-16	Trần Thị Thu Hiền	234	28	7
A03-17	Nguyễn Trần Thúy Hồng	233	37	9.3
A03-18	Võ Hoàng Lan	234	20	5
A03-19	Trần Quỳnh My	234	22	5.5
A03-20	Đặng Mai Bảo My	234	34	8.5
A03-21	Hồ Thị Như Ngân	234	17	4.3
A03-22	Lê Hoàng Bảo Ngọc	232	31	7.8
A03-23	Phạm Bảo Ngọc	232	33	8.3
A03-24	Nguyễn Thị Quỳnh Như	233	37	9.3
A03-25	Trịnh Mỹ Quyên	231	28	7
A03-26	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh	234	27	6.8
A03-27	Nguyễn Mỹ Quỳnh	232	37	9.3
A03-28	Đỗ Thị Trúc Quỳnh	232	24	6
A03-29	Phún Sín Thái	234	29	7.3
A03-30	Đặng Ngọc Thanh	231	27	6.8
A03-31	Nguyễn Thị Thanh Thảo	234	27	6.8
A03-32	Nguyễn Huỳnh Hoàng Thiện	234	27	6.8
A03-33	Nguyễn Ngọc Minh Thư	232	35	8.8
A03-34	Trần Phạm Minh Trang	231	24	6
A03-35	Hoàng Bảo Trang	234	30	7.5
A03-36	Nguyễn Ngọc Trinh	232	35	8.8
A03-37	Phạm Thị Hồng Trinh	234	29	7.3
A03-38	Nguyễn Hữu Trọng	233	13	3.3
A03-39	Đỗ Thanh Trúc	231	23	5.8
A03-40	Nguyễn Thị Thanh Trúc	234	38	9.5
A03-41	Nguyễn Song Cát Tường	231	34	8.5
A03-42	Võ Thị Anh Vy	234	33	8.3
A03-43	Lê Tường Vy	232	20	5
A03-44	Nguyễn Trần Tường Vy	232	33	8.3
A03-45	Trần Cẩm Vy	234	31	7.8
A03-46				
A03-47				
A03-48				
A03-49				
A03-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : LÝ 12

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
A04-01	Trần Văn An	231	33	8.3
A04-02	Hoàng Minh Anh	234	27	6.8
A04-03	Nguyễn Thành Thái Bảo	233	33	8.3
A04-04	Cao Danh Bảo	231	27	6.8
A04-05	Trần Thị Mỹ Duyên	234	28	7
A04-06	Chống Hiếu Duyên	232	33	8.3
A04-07	Ma Trần Hồng Hạnh	233	15	3.8
A04-08	Dương Ngọc Mỹ Hạnh	232	35	8.8
A04-09	Lê Trung Hoa	234	29	7.3
A04-10	Trần Vũ Quỳnh Hương	234	17	4.3
A04-11	Hồng Huỳnh Gia Huy	232	19	4.8
A04-12	Nguyễn Đức Gia Huy	232	20	5
A04-13	Trần Hoàng Gia Huy	234	15	3.8
A04-14	Mai Văn Khanh	233	23	5.8
A04-15	Nguyễn Hồng Gia Kiệt	231	21	5.3
A04-16	Nguyễn Phúc Thiên Kim	233	24	6
A04-17	Đinh Bảo Lâm	231	35	8.8
A04-18	Nguyễn Phan Thùy Linh	231	32	8
A04-19	Lê Thủy Linh	233	39	9.8
A04-20	Nguyễn Cát Lợi	232	24	6
A04-21	Nguyễn Thị Xuân Mai	233	36	9
A04-22	Lâm Hà Mi	233	34	8.5
A04-23	Nguyễn Thị Trà My	232	36	9
A04-24	Nguyễn Thị Trà My	232	28	7
A04-25	Vũ Ngọc Trà My	234	23	5.8
A04-26	Nguyễn Hoài Nam	231	25	6.3
A04-27	Đoàn Ngọc Thu Ngân	231	25	6.3
A04-28	Lâm Ái Ngọc	234	39	9.8
A04-29	Nguyễn Gia Cẩm Nguyên	231	31	7.8
A04-30	Trần Xuân Nguyệt	233	34	8.5
A04-31	Phan Ngọc Yến Nhi	233	33	8.3
A04-32	Bùi Uyển Nhi	233	34	8.5
A04-33	Vòng Mỹ Như	233	20	5
A04-34	Lê Kim Oanh	232	23	5.8
A04-35	Nguyễn Tân Phú	233	25	6.3
A04-36	Vũ Hoàng Phúc	233	15	3.8
A04-37	Huỳnh Đỗ Trung Quân	232	30	7.5
A04-38	Võ Ngọc Mỹ Tâm	231	30	7.5
A04-39	Phan Thị Minh Thư	234	27	6.8
A04-40	Nguyễn Như Thanh Thủy	233	7	1.8
A04-41	Lê Thùy Tiên	233	27	6.8
A04-42	Phan Thị Uyên	232	27	6.8
A04-43	Mai Trần Khánh Vy	231	21	5.3
A04-44	Nguyễn Phi Yến	234	32	8
A04-45	Trần Hải Yến	233	33	8.3
A04-46				
A04-47				
A04-48				
A04-49				
A04-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : LÝ 12

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
A05-01	Nguyễn Văn An	221	14	3.5
A05-02	Huỳnh Quế Anh	222	30	7.5
A05-03	Lê Trọng Anh	224	39	9.8
A05-04	Hồ Đức Anh	221	20	5
A05-05	Nguyễn Hoài Bảo	222	23	5.8
A05-06	Nguyễn Thị Kiều Dung	223	20	5
A05-07	Đinh Nguyễn Xuân Dung	221	35	8.8
A05-08	Nguyễn Hồ Trường Hải	221	26	6.5
A05-09	Huỳnh Trần Thanh Hằng	221	31	7.8
A05-10	Quan Cần Hiền	222	30	7.5
A05-11	Lâm Xuân Hiếu	223	38	9.5
A05-12	Chế Gia Huy	223	26	6.5
A05-13	Trần Nhật Huy	223	37	9.3
A05-14	Võ Bá Huy	221	23	5.8
A05-15	Trần Duy Khải	222	25	6.3
A05-16	Trương Minh Khải	222	21	5.3
A05-17	Phạm Chu Chí Khang	221	36	9
A05-18	Phạm Trung Kiên	223	31	7.8
A05-19	Trần Vĩ Kiệt	222	28	7
A05-20	Nguyễn Thị Diệu Linh	223	38	9.5
A05-21	Mai Tấn Lộc	222	25	6.3
A05-22	Ngô Quang Lộc	222	22	5.5
A05-23	Nguyễn Hoàng Long	224	36	9
A05-24	Nguyễn Trần Xuân Mai	221	39	9.8
A05-25	Lê Trọng Nghĩa	222	23	5.8
A05-26	Nguyễn Thái Bảo Ngọc	221	33	8.3
A05-27	Trần Minh Ngọc	224	23	5.8
A05-28	Nguyễn Bá Nhân	222	36	9
A05-29	Đỗ Thiện Nhân	222	30	7.5
A05-30	Nguyễn Đặng Thị Phương Nhung	222	29	7.3
A05-31	Lê Đình Tấn Phát	221	22	5.5
A05-32	Đào Thành Phát	221	36	9
A05-33	Đào Huỳnh Trọng Phúc	223	24	6
A05-34	Phan Vũ Minh Quân	223	20	5
A05-35	Trần Thái Sơn	222	33	8.3
A05-36	Huỳnh Nhật Tân	224	21	5.3
A05-37	Lâm Thiên Tân			
A05-38	Phạm Hà Thái Thiên	224	19	4.8
A05-39	Đỗ Khải Minh Thư	224	18	4.5
A05-40	Trương Văn Minh Thức	222	39	9.8
A05-41	Nguyễn Văn Tiến	222	34	8.5
A05-42	Nguyễn Thị Thu Trang	222	35	8.8
A05-43	Đỗ Ngọc Đoan Trang	224	28	7
A05-44	Nguyễn Nhật Trường	222	35	8.8
A05-45	Đoàn Huỳnh Minh Vy	223	38	9.5
A05-46	Lê Hoàng Vỹ	221	16	4
A05-47				
A05-48				
A05-49				
A05-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : LÝ 12

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
A06-01	Võ Mỹ Kim Anh	223	19	4.8
A06-02	Đỗ Mai Anh	223	31	7.8
A06-03	Đoàn Ngọc Bảo	224	35	8.8
A06-04	Trần Châu Hoàn Bình	223	37	9.3
A06-05	Nguyễn Minh Châu	221	35	8.8
A06-06	Trương Anh Duy	224	21	5.3
A06-07	Phạm Lê Hạnh Duyên	223	6	1.5
A06-08	Diệp Thành Đạt	222	28	7
A06-09	Nguyễn Dương Đông	222	17	4.3
A06-10	Phạm Ngọc Quỳnh Giao	222	29	7.3
A06-11	Phan Thị Thu Hà	224	25	6.3
A06-12	Hồ Long Hải	223	27	6.8
A06-13	Ngô Ngọc Hân	222	30	7.5
A06-14	Lê Quang Nhật Hoàng	224	12	3
A06-15	Phạm Minh Hùng	222	37	9.3
A06-16	Phạm Mai Hương	221	24	6
A06-17	Lại Phước Huy	224	26	6.5
A06-18	Chu Thị Kim Lắm	222	37	9.3
A06-19	Lê Vũ Thùy Linh	223	30	7.5
A06-20	Đỗ Nguyễn Ngọc Linh	221	17	4.3
A06-21	Lê Hoàng Linh	224	32	8
A06-22	Trần Tăng Lộc	224	24	6
A06-23	Trần Đức Long	222	27	6.8
A06-24	Nguyễn Việt Bảo Minh	223	27	6.8
A06-25	Huỳnh Lê Nhật Minh	223	26	6.5
A06-26	Phạm Thành Nam	222	26	6.5
A06-27	Lê Nguyễn Tuyết Nhi	221	30	7.5
A06-28	Hồ Gia Như	223	32	8
A06-29	Ngô Nhật Ninh	221	36	9
A06-30	Phan Phước Phú	224	13	3.3
A06-31	Trần Thanh Phương	224	35	8.8
A06-32	Hồ Ngọc Thanh Phương	222	20	5
A06-33	Trần Thủy Quỳnh	222	35	8.8
A06-34	Nguyễn Đào Như Quỳnh	222	31	7.8
A06-35	Trần Phạm Phương Quỳnh	224	29	7.3
A06-36	Vũ Nguyễn Thanh Sang	222	20	5
A06-37	Đoàn Quyết Thắng	223	17	4.3
A06-38	Phạm Công Thành	222	30	7.5
A06-39	Hoàng Ngọc Anh Thư	222	37	9.3
A06-40	Lê Huỳnh Thanh Thủy	224	36	9
A06-41	Vũ Đoàn Mai Trang	221	35	8.8
A06-42	Đỗ Thị Đoàn Trang	223	35	8.8
A06-43	Đỗ Thị Thùy Trang	223	30	7.5
A06-44	Phạm Anh Tuấn	224	25	6.3
A06-45	Hồ Bách Việt	221	24	6
A06-46	Trần Phạm Thiên Vương	221	17	4.3
A06-47				
A06-48				
A06-49				
A06-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : LÝ 12

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
A07-01	Trương Nguyễn Thiên An	223	33	8.3
A07-02	Ngô Gia Ân	224	18	4.5
A07-03	Trần Quốc Anh	221	18	4.5
A07-04	Dư Hoàng Bảo	221	35	8.8
A07-05	Nguyễn Tường Thái Cường	223	38	9.5
A07-06	Võ Kim Kỳ Duyên	223	32	8
A07-07	Phạm Hoàng Thủy Đan	223	29	7.3
A07-08	Nguyễn Duy Đông	222	24	6
A07-09	Nguyễn Hoàng Giang	221	16	4
A07-10	Nguyễn Ngọc Hà	222	26	6.5
A07-11	Trần Đức Phúc Hậu	224	29	7.3
A07-12	Ngô Minh Hiền	222	28	7
A07-13	Trần Ngọc Hiền	224	24	6
A07-14	Ngô Quang Hưởng	224	26	6.5
A07-15	Đoàn Gia Huy	222	17	4.3
A07-16	Nguyễn Hoàng Triều Huy	222	29	7.3
A07-17	Đoàn Văn Kiểu	223	14	3.5
A07-18	Lê Gia Lạc	222	29	7.3
A07-19	Trần Hoàng Khánh Linh	222	32	8
A07-20	Nguyễn Bảo Long	222	27	6.8
A07-21	Lê Phước Hoàng Minh	221	20	5
A07-22	Trần Công Anh Minh	224	24	6
A07-23	Nguyễn Hiếu Ngân	221	33	8.3
A07-24	Phạm Hoàng Bảo Ngọc	222	34	8.5
A07-25	Nguyễn Thị Thùy Nguyên			
A07-26	Tô Ngọc Yến Nhi	224	29	7.3
A07-27	Trần Hoàng Tuyết Nhi	222	37	9.3
A07-28	Nguyễn Bình Thục Nhiên	223	28	7
A07-29	Đào Thế Phong	224	33	8.3
A07-30	Nguyễn Hoài Phước	223	24	6
A07-31	Hồ Ngọc Uyên Phương	222	36	9
A07-32	Phạm Hoàng Quân	223	33	8.3
A07-33	Trương Gia Quý	223	39	9.8
A07-34	Nguyễn Thanh Tân	222	33	8.3
A07-35	Đồng Nguyễn Đức Thành	222	33	8.3
A07-36	Nguyễn Ngọc Thảo	223	20	5
A07-37	Nguyễn Tấn Thọ	223	23	5.8
A07-38	Nguyễn Phước Trung	224	26	6.5
A07-39	Đỗ Thành Tú	224	35	8.8
A07-40	Trần Anh Tuấn	222	27	6.8
A07-41	Lâm Thị Thanh Tuyền	221	36	9
A07-42	Đoàn Nguyễn Thanh Uyên	222	30	7.5
A07-43	Phạm Nguyễn Gia Uyên	224	36	9
A07-44	La Văn Vũ	224	31	7.8
A07-45	Nguyễn Trần Bảo Vy	221	18	4.5
A07-46				
A07-47				
A07-48				
A07-49				
A07-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : LÝ 12

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
A08-01	Nguyễn Xuân An	223	14	3.5
A08-02	Nguyễn Ngọc Huyền Anh	224	21	5.3
A08-03	Trần Tuấn Anh	222	32	8
A08-04	Phan Quốc Anh	222	12	3
A08-05	Đinh Gia Bảo	223	13	3.3
A08-06	Dương Thị Chung	224	25	6.3
A08-07	Huỳnh Tuấn Duy	221	34	8.5
A08-08	Lê Hữu Hải Đăng	221	25	6.3
A08-09	Trần Phúc Đức	221	24	6
A08-10	Bùi Thị Phượng Hằng	233	12	3
A08-11	Nguyễn Thị Thúy Hằng	223	10	2.5
A08-12	Nguyễn Ngọc Hiếu	221	18	4.5
A08-13	Nguyễn Viết Huy	224	9	2.3
A08-14	Mai Tuấn Huy	224	36	9
A08-15	Bùi Phạm Gia Huy	222	22	5.5
A08-16	Cao Minh Khoa	222	25	6.3
A08-17	Hồ Minh Khôi	223	34	8.5
A08-18	Dương Mạnh Kiên	221	20	5
A08-19	Nguyễn Văn Kiệt	222	29	7.3
A08-20	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	222	22	5.5
A08-21	Nguyễn Hà Linh	224	34	8.5
A08-22	Nguyễn Thị Kim Loan	221	22	5.5
A08-23	Phạm Đăng Hải Minh	222	23	5.8
A08-24	Võ Hà My	223	22	5.5
A08-25	Phạm Thị Kim Ngân	223	33	8.3
A08-26	Nguyễn Trần Huỳnh Như	221	34	8.5
A08-27	Mai Thanh Thiên Phú	221	15	3.8
A08-28	Đỗ Quang Phước	223	18	4.5
A08-29	Trần Đức Tài	223	32	8
A08-30	Nguyễn Thanh Tân	224	24	6
A08-31	Đỗ Tân Thạch	221	31	7.8
A08-32	Phạm Minh Thiện	223	17	4.3
A08-33	Hồ Bảo Thịnh	223	15	3.8
A08-34	Nguyễn Quang Thịnh	221	19	4.8
A08-35	Trần Anh Thịnh	224	30	7.5
A08-36	Hồ Ngọc Anh Thư	222	31	7.8
A08-37	Mai Thị Minh Thư	224	21	5.3
A08-38	Trần Huỳnh Anh Thy	221	36	9
A08-39	Nguyễn Trọng Tín	221	17	4.3
A08-40	Đỗ Thị Thùy Trang	221	15	3.8
A08-41	Phạm Nguyễn Minh Trí	224	36	9
A08-42	Võ Văn Trình	222	26	6.5
A08-43	Nguyễn Đức Trung	221	25	6.3
A08-44	Nguyễn Anh Tú	221	17	4.3
A08-45	Dương Nguyễn Yên Vy	224	22	5.5
A08-46	Trần Yến Vy	222	20	5
A08-47				
A08-48				
A08-49				
A08-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : LÝ 12

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
A09-01	Hoàng Ngọc Tú Anh	224	14	3.5
A09-02	Nguyễn Minh Anh	221	19	4.8
A09-03	Tô Hồng Anh			
A09-04	Đinh Hoàng Gia Minh Chính	222	25	6.3
A09-05	Đỗ Thế Thành Danh	224	16	4
A09-06	Nguyễn Đức Hải	223	37	9.3
A09-07	Liệu Gia Hân	222	24	6
A09-08	Lê Phạm Ngọc Hiền	221	21	5.3
A09-09	Đỗ Thuý Hồng	222	27	6.8
A09-10	Nguyễn Viết An Huy	222	34	8.5
A09-11	Trần Nhật Huy	224	25	6.3
A09-12	Phạm Trần Gia Huy	221	30	7.5
A09-13	Bùi Tuấn Khanh	223	23	5.8
A09-14	Cao Nguyễn Tuấn Khoa	224	29	7.3
A09-15	Nguyễn Đăng Khoa	221	31	7.8
A09-16	Huỳnh Hoàng Anh Khoa	223	15	3.8
A09-17	Trương Minh Khôi	221	24	6
A09-18	Nguyễn Thúy Kiều	223	20	5
A09-19	Võng Y Lê	221	31	7.8
A09-20	Phạm Hải Long	224	16	4
A09-21	Đặng Nguyễn Hoàng Mai	223	28	7
A09-22	Nguyễn Lê Nhật Minh	222	26	6.5
A09-23	Nguyễn Thành Minh	224	23	5.8
A09-24	Nguyễn Ngọc My Na	221	14	3.5
A09-25	Nguyễn Nam	224	34	8.5
A09-26	Trần Thị Tuyết Ngọc	222	36	9
A09-27	Lê Thị Bảo Ngọc	224	24	6
A09-28	Đào Minh Nhật	224	17	4.3
A09-29	Nguyễn Ngọc Nhi	222	22	5.5
A09-30	Phạm Ngọc Tuyết Nhi	224	30	7.5
A09-31	Tạ Thành Phát	223	26	6.5
A09-32	Đào Minh Phúc	221	30	7.5
A09-33	Đoàn Thị Trúc Phương	224	26	6.5
A09-34	Nguyễn Mạnh Anh Quân	221	19	4.8
A09-35	Trần Nguyễn Ngọc Quyên	224	22	5.5
A09-36	Trần Nhật Quỳnh	221	28	7
A09-37	Nguyễn Toàn Thắng	223	34	8.5
A09-38	Lê Tiểu Minh Thư	221	31	7.8
A09-39	Nguyễn Ngọc Huỳnh Toàn	223	27	6.8
A09-40	Huỳnh Thị Bích Trâm	223	25	6.3
A09-41	Nguyễn Thành Trung	223	25	6.3
A09-42	Nguyễn Ngọc Anh Tuấn	222	39	9.8
A09-43	Đoàn Anh Tuấn	224	34	8.5
A09-44	Bùi Hoàng Anh Tuấn	221	13	3.3
A09-45	Phạm Trường Vinh	222	32	8
A09-46				
A09-47				
A09-48				
A09-49				
A09-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : LÝ 12

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
A10-01	Vũ Ngọc Trâm Anh	223	27	6.8
A10-02	Vũ Thị Kim Anh	224	21	5.3
A10-03	Hà Gia Bảo	223	31	7.8
A10-04	Trần Gia Bảo	221	29	7.3
A10-05	Nguyễn Thị Ngọc Bích			
A10-06	Lê Hồng Bảo Châu	224	18	4.5
A10-07	Trần Việt Đông	224	28	7
A10-08	Lê Như Trường Hải	221	30	7.5
A10-09	Võ Nguyễn Chí Hiếu	224	19	4.8
A10-10	Nguyễn Huy Hoàng	221	32	8
A10-11	Lê Trinh Tú Hương	224	37	9.3
A10-12	Trần Quốc Khang	223	20	5
A10-13	Nguyễn Anh Kiệt	224	35	8.8
A10-14	Nguyễn Thanh Phú Kiều	221	30	7.5
A10-15	Đỗ Phương Linh	221	29	7.3
A10-16	Võ Ngọc Thanh Long	221	26	6.5
A10-17	Mai Nhật Long	223	26	6.5
A10-18	Phạm Hoàng Long	223	20	5
A10-19	Nguyễn Thị Khánh Ly	224	17	4.3
A10-20	Phạm Văn Mạnh	221	30	7.5
A10-21	Lê Phạm Gia Nghi	224	23	5.8
A10-22	Nguyễn Ngọc Nhân	224	21	5.3
A10-23	Nguyễn Thị Tuyết Như	224	14	3.5
A10-24	Lê Hoàng Oanh	223	28	7
A10-25	Nguyễn Minh Quân	224	29	7.3
A10-26	Võ Đức Phương Quỳnh	223	30	7.5
A10-27	Lê Diễm Quỳnh	223	10	2.5
A10-28	Hồ Thị Thanh Thảo	223	28	7
A10-29	Lê Thị Thảo	221	23	5.8
A10-30	Võ Minh Thơ	224	23	5.8
A10-31	Lữ Phan Đoàn Thư	223	19	4.8
A10-32	Phan Thương Thương	222	28	7
A10-33	Đặng Thị Bảo Trân	222	28	7
A10-34	Nguyễn Thị Minh Trang	224	27	6.8
A10-35	Đặng Hoàng Thiên Trang	222	31	7.8
A10-36	Trần Thanh Trí	221	23	5.8
A10-37	Nguyễn Đức Trung	223	30	7.5
A10-38	Trần Thanh Tùng	223	16	4
A10-39	Nguyễn Thanh Vy	222	22	5.5
A10-40	Mai Nhật Phương Vy	224	24	6
A10-41				
A10-42				
A10-43				
A10-44				
A10-45				
A10-46				
A10-47				
A10-48				
A10-49				
A10-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : LÝ 12

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
A11-01	Dương Lê Nhật Anh	223	37	9.3
A11-02	Nguyễn Lý Văn Bằng	222	23	5.8
A11-03	Hồ Quốc Bảo	224	40	10
A11-04	Nguyễn Thanh Hải	224	31	7.8
A11-05	Phạm Nguyễn Gia Hân	224	17	4.3
A11-06	Trần Minh Hiếu	222	32	8
A11-07	Nguyễn Đức Hòa	222	24	6
A11-08	Đào Nguyễn Tuấn Hoàng	223	18	4.5
A11-09	Bùi Hữu Hưởng	221	26	6.5
A11-10	Phạm Đoàn Gia Huy	223	20	5
A11-11	Nguyễn Châu Nhật Khánh	224	30	7.5
A11-12	Trương Gia Khiêm	222	26	6.5
A11-13	Phạm Trịnh Quỳnh Mai	223	22	5.5
A11-14	Lý Ngọc Mai	221	33	8.3
A11-15	Lê Vũ Quế Minh	221	28	7
A11-16	Nguyễn Trần Thanh Ngân	223	24	6
A11-17	Nguyễn Trọng Nghĩa	224	32	8
A11-18	Trần Phạm Trọng Nhân	222	34	8.5
A11-19	Lưu Tùng Nhân	222	21	5.3
A11-20	Huỳnh Trần Yến Nhi	221	21	5.3
A11-21	Lưu Tấn Phong	222	33	8.3
A11-22	Trần Hưng Phú	223	23	5.8
A11-23	Liu Lý Phún	222	25	6.3
A11-24	Phạm Tả Quân	222	31	7.8
A11-25	Trần Hồng Quân	222	37	9.3
A11-26	Nguyễn Phạm Trung Quân	224	37	9.3
A11-27	Phan Trần Đức Tài	223	34	8.5
A11-28	Lữ Ngọc Thảo	224	35	8.8
A11-29	Nguyễn Duy Thông	221	25	6.3
A11-30	Nguyễn Ngọc Minh Thư	223	33	8.3
A11-31	Phạm Thị Thu Tiên	223	35	8.8
A11-32	Bùi Ngọc Bảo Tiên	221	29	7.3
A11-33	Nguyễn Phạm Mỹ Tiên	224	22	5.5
A11-34	Nguyễn Thị Mỹ Trinh	221	21	5.3
A11-35	Nguyễn Đức Trọng	222	35	8.8
A11-36	Đoàn Ngọc Trung	221	26	6.5
A11-37	Nguyễn Công Tuyển	222	34	8.5
A11-38	Nguyễn Hoàng Như Uyên	221	25	6.3
A11-39	Trần Quốc Vinh	224	36	9
A11-40	Nguyễn Quốc Vương	223	27	6.8
A11-41	Nguyễn Đình Thảo Vy	223	26	6.5
A11-42	Nguyễn Hoàng Hải Vy	224	28	7
A11-43				
A11-44				
A11-45				
A11-46				
A11-47				
A11-48				
A11-49				
A11-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : LÝ 12

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
A12-01	Giang Gia Bảo	222	37	9.3
A12-02	Đặng Thị Xuân Diệu	223	37	9.3
A12-03	Đỗ Thị Thùy Dương	222	33	8.3
A12-04	Nguyễn Ngọc Đạo	222	31	7.8
A12-05	Lê Hương Giang	224	39	9.8
A12-06	Trần Văn Hoàng	223	39	9.8
A12-07	Lê Khánh Hoàng	221	37	9.3
A12-08	Nguyễn Phi Hùng	224	35	8.8
A12-09	Nguyễn Duy Hưng	221	32	8
A12-10	Lý Đức Hưng	223	34	8.5
A12-11	Nguyễn Phan Hữu Khanh	221	33	8.3
A12-12	Trần Trung Kiên	224	31	7.8
A12-13	Phạm Đình Trúc Linh	223	35	8.8
A12-14	Trần Thị Thu Loan	224	27	6.8
A12-15	Lê Tấn Lộc	221	37	9.3
A12-16	Bùi Hữu Lộc	223	36	9
A12-17	Trần Trung Lộc	223	34	8.5
A12-18	Lê Đỗ Ngọc Mẫn	222	28	7
A12-19	Nguyễn Hoàn Kim Ngân	221	31	7.8
A12-20	Bùi Mạnh Nghĩa	221	23	5.8
A12-21	Nguyễn Vũ Phụng	224	38	9.5
A12-22	Trần Nhật Quang	221	29	7.3
A12-23	Lương Như Quỳnh	221	32	8
A12-24	Phạm Văn Tài	221	37	9.3
A12-25	Hồ Nguyễn Minh Thắng	221	26	6.5
A12-26	Trần Đan Thanh	224	37	9.3
A12-27	Ma Minh Thành	224	33	8.3
A12-28	Nguyễn Lê Phương Thảo	222	33	8.3
A12-29	Trần Thị Thanh Thảo	222	35	8.8
A12-30	Võ Mai Trang Thơ	221	29	7.3
A12-31	Nguyễn Huỳnh Anh Thư	221	38	9.5
A12-32	Lê Minh Tiến	224	38	9.5
A12-33	Trần Ngọc Trâm	221	39	9.8
A12-34	Bùi Thị Ngọc Trang	222	35	8.8
A12-35	Huỳnh Minh Trí	223	39	9.8
A12-36	Hoàng Văn Lê Trí	223	30	7.5
A12-37	Nguyễn Thái Tú	223	35	8.8
A12-38	Trịnh Đình Tuấn	223	35	8.8
A12-39	Nguyễn Thị Kim Tuyền	224	37	9.3
A12-40	Ngô Thanh Vân	223	35	8.8
A12-41	Võ Quang Vinh	222	38	9.5
A12-42	Ngô Thị Yến Vy	222	37	9.3
A12-43				
A12-44				
A12-45				
A12-46				
A12-47				
A12-48				
A12-49				
A12-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : LÝ 12

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
A13-01	Lê Trúc Ân	222	20	5
A13-02	Trương Trần Bảo Châu	222	35	8.8
A13-03	Nguyễn Hoàng Tuấn Đạt	224	27	6.8
A13-04	Nguyễn Võ Thái Định	221	32	8
A13-05	Đoàn Phan Tài Đức	223	28	7
A13-06	Trần Huy Hoàng	224	25	6.3
A13-07	Lê Minh Hưng	223	34	8.5
A13-08	Vũ Thị Ngọc Hương	222	33	8.3
A13-09	Phạm Nhật Huy	223	32	8
A13-10	Phạm Vũ Minh Huy	221	26	6.5
A13-11	Lâm Nguyễn An Khôi	221	27	6.8
A13-12	Lâm Nguyễn Huy Khôi	223	29	7.3
A13-13	Hồ Anh Kiệt	221	21	5.3
A13-14	Lê Đình Lân	224	16	4
A13-15	Nguyễn Thành Long	221	30	7.5
A13-16	Trần Hiếu Long	224	23	5.8
A13-17	Dương Gia Luận	222	33	8.3
A13-18	Nguyễn Lâm Hoàng Luân	222	26	6.5
A13-19	Huỳnh Bạch Mai	224	29	7.3
A13-20	Hà Trần My Na	224	35	8.8
A13-21	Bùi Duy Nghiêm	223	31	7.8
A13-22	Nguyễn Bảo Ngọc	221	28	7
A13-23	Trần Nguyễn Xuân Nguyệt	224	34	8.5
A13-24	Nguyễn Thị Xuân Như	222	27	6.8
A13-25	Nguyễn Văn Phát	223	31	7.8
A13-26	Huỳnh Văn Phát	221	28	7
A13-27	Võ Hoàng Phong	222	30	7.5
A13-28	Nguyễn Việt Phúc	224	33	8.3
A13-29	Nguyễn Hoàng Hồng Phúc	222	25	6.3
A13-30	Nguyễn Hoàng Quế Phụng	221	34	8.5
A13-31	Tống Thiên Phước	221	35	8.8
A13-32	Võ Nhật Phương	221	24	6
A13-33	Vương Hưng Quang	223	35	8.8
A13-34	Huỳnh Ngọc Sơn	224	27	6.8
A13-35	Lương Hữu Thành	221	20	5
A13-36	Nguyễn Duy Thịnh	222	16	4
A13-37	Nguyễn Anh Thư	224	31	7.8
A13-38	Hồ Thị Thủy Tiên	222	35	8.8
A13-39	Nguyễn Hiếu Trung	224	19	4.8
A13-40	Nguyễn Đức Trung	222	33	8.3
A13-41	Hồ Lê Anh Tú	233	10	2.5
A13-42	Hà Cao Văn	223	26	6.5
A13-43	Lê Trần Hoàng Yến	221	21	5.3
A13-44				
A13-45				
A13-46				
A13-47				
A13-48				
A13-49				
A13-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : LÝ 12

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
A14-01	Đinh Thị Xuân An	221	31	7.8
A14-02	Nguyễn Thị Tuyết Anh	221	36	9
A14-03	Nguyễn Võ Quốc Bảo	222	33	8.3
A14-04	Trần Ngân Bảo	224	37	9.3
A14-05	Huỳnh Gia Bảo	221	31	7.8
A14-06	Nguyễn Lê Thành Công	221	33	8.3
A14-07	Phạm Lê Thủy Diễm	223	32	8
A14-08	Vũ Thị Mỹ Dung	224	32	8
A14-09	Nguyễn Quốc Dũng	222	37	9.3
A14-10	Đỗ Đức Đạt	221	37	9.3
A14-11	Nguyễn Gia Đình	224	29	7.3
A14-12	Trương Thị Hòa Hảo	221	36	9
A14-13	Đỗ Minh Hiên	223	31	7.8
A14-14	Trần Hoàng Quỳnh Hương	222	37	9.3
A14-15	Nguyễn Trần Nhật Huy	224	30	7.5
A14-16	Trương Quang Khải	224	34	8.5
A14-17	Lê Nguyễn Thiên Kim	224	37	9.3
A14-18	Võ Thị Nguyễn Mỹ Linh	223	32	8
A14-19	Nguyễn Phạm Tấn Lộc	221	36	9
A14-20	Nguyễn Phùng Xuân Mai	222	28	7
A14-21	Trương Triệu Mẫn	224	34	8.5
A14-22	Dương Hồng Minh	223	34	8.5
A14-23	Nguyễn Hồ Ly Na	222	35	8.8
A14-24	Hồ Ngọc Phương Nghi	222	32	8
A14-25	Phan Minh Nghĩa	223	32	8
A14-26	Hoàng Thị Kim Ngọc	223	37	9.3
A14-27	Đoàn Thị Hồng Ngọc	223	34	8.5
A14-28	Ngô Lê Thảo Nguyên	221	33	8.3
A14-29	Nguyễn Hữu Nhân	222	37	9.3
A14-30	Huỳnh Lê Nhật	221	33	8.3
A14-31	Nguyễn Tấn Nhật	223	35	8.8
A14-32	Vũ Văn Nhật	223	39	9.8
A14-33	Nguyễn Thị Nhung	224	35	8.8
A14-34	Nguyễn Tú Oanh	223	29	7.3
A14-35	Ngô Sĩ Hoàng Quý	221	34	8.5
A14-36	Nguyễn Lê Thảo Quỳnh	224	34	8.5
A14-37	Lương Thanh Sơn	221	33	8.3
A14-38	Nguyễn Bá Thiên	221	37	9.3
A14-39	Nguyễn Quốc Thịnh	222	38	9.5
A14-40	Nguyễn Thanh Thỏa	223	36	9
A14-41	Phan Minh Thy	223	33	8.3
A14-42	Nguyễn Thị Quỳnh Trâm	224	27	6.8
A14-43	Hà Phương Trinh	224	36	9
A14-44	Nguyễn Văn Anh Tú	221	34	8.5
A14-45	Lê Ngọc Tường Vy	223	36	9
A14-46				
A14-47				
A14-48				
A14-49				
A14-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : LÝ 12

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
A15-01	Đinh Ngô Xuân An	233	33	8.3
A15-02	Nguyễn Thị Tú Anh	232	36	9
A15-03	Trương Ngọc Ánh	234	30	7.5
A15-04	Trần Huỳnh Bảo Bảo	234	38	9.5
A15-05	Nguyễn Phúc Bảo	232	32	8
A15-06	Lương Nguyễn Ngọc Diệu	232	34	8.5
A15-07	Lý Thái Dương	233	7	1.8
A15-08	Ma Huỳnh Khánh Hà	234	36	9
A15-09	Lê Thị Hải Hà	231	32	8
A15-10	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	232	40	10
A15-11	Nguyễn Thị Thúy Hằng	234	35	8.8
A15-12	Nguyễn Ngọc Mỹ Khanh	231	36	9
A15-13	Trần Lâm Gia Khánh	234	39	9.8
A15-14	Nguyễn Hoàng Thiên Kim	233	35	8.8
A15-15	Bùi Mỹ Khánh Linh	233	35	8.8
A15-16	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	231	27	6.8
A15-17	Nguyễn Thị Yến Linh	234	34	8.5
A15-18	Nguyễn Thị Khánh Ly	232	29	7.3
A15-19	Bạch Nhật Minh	231	38	9.5
A15-20	Đinh Phạm Thuỳ My	231	32	8
A15-21	Lý Gia Nghi	233	35	8.8
A15-22	Nguyễn Ngọc Uyên Nhi	231	33	8.3
A15-23	Lâm Uyên Nhi	234	21	5.3
A15-24	Nguyễn Thuận Như	231	39	9.8
A15-25	Bùi Nguyễn Như Quỳnh	233	31	7.8
A15-26	Nguyễn Thị Như Quỳnh	234	37	9.3
A15-27	Huỳnh Mai Quỳnh	231	25	6.3
A15-28	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	233	40	10
A15-29	Nguyễn Văn Tãi	233	33	8.3
A15-30	Trần Thiên Thanh	233	22	5.5
A15-31	Nguyễn Phương Thảo	232	33	8.3
A15-32	Phạm Vũ Anh Thư	231	32	8
A15-33	Nguyễn Diệu Thư	233	36	9
A15-34	Nguyễn Hoàng Anh Thư	233	33	8.3
A15-35	Nguyễn Minh Thư	231	25	6.3
A15-36	Tất An Thuận	232	22	5.5
A15-37	Phạm Ngọc Kim Trang	232	21	5.3
A15-38	Võ Ngọc Phương Trinh	231	40	10
A15-39	Nguyễn Thị Thanh Trúc	232	28	7
A15-40	Lưu Thanh Trúc	232	26	6.5
A15-41	Nguyễn Hoàng Phương Tuấn	233	36	9
A15-42	Trần Phương Uyên	232	38	9.5
A15-43	Đỗ Khánh Vân	234	36	9
A15-44	Nguyễn Nhật Vy	231	32	8
A15-45	Nguyễn Đan Vy	232	32	8
A15-46				
A15-47				
A15-48				
A15-49				
A15-50				